

Số: 62/2026/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 26 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1989; Căn cước công dân số 083089008594; Địa chỉ: 2xx/A, ấp TTA, Xã TH, tỉnh Vĩnh Long.

* *Người yêu cầu:* Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 1988; Căn cước công dân số 083188018607; Địa chỉ: 2xxF/2 khu phố 2, phường SĐ, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi hòa giải đoàn tụ không thành, anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Ngọc H thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Ngọc H là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Ngọc H thống nhất trình bày có một con chung tên Nguyễn Lê Ngọc N, sinh ngày 28/8/2024. khi ly hôn chị Lê Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 7.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, hình thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Ngọc H thống nhất trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Ngọc H thống nhất trình bày không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Ngọc H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền lệ phí và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013321 ngày 30/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Ngọc H đã nộp lệ phí xong.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/01/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Ngọc H.

- Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Ngọc N, sinh ngày 28/8/2024. Anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 7.000.000 đồng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Hình Thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Ngọc H thống nhất trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không giải quyết trong cùng vụ việc.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Ngọc H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền lệ phí và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013321 ngày 30/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Ngọc H đã nộp lệ phí xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV5, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Lê Thị Lăng